

Số: **12** /2016/QĐ-UBND

Thừa Thiên Huế, ngày **04** tháng **02** năm 2016

| | |
|--------------------------------|------------------------|
| CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ T.T.HUẾ | |
| ĐẾN | Số: 1.72 |
| | Ngày: 05/2 |
| | Chuyên: Về việc |

QUYẾT ĐỊNH

**phân công quản lý doanh nghiệp thành lập mới
trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Thông tư số 127/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cấp mã số doanh nghiệp thành lập mới và phân công cơ quan thuế quản lý đối với doanh nghiệp;

Căn cứ Công văn số 09/HĐND-THKT ngày 25 tháng 01 năm 2016 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về tiêu chí phân công quản lý doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Cục Thuế tỉnh Thừa Thiên Huế tại Công văn số 7808/CT-KK&KTT ngày 02 tháng 12 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định tiêu chí phân công quản lý doanh nghiệp mới thành lập trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế theo Phụ lục đính kèm.

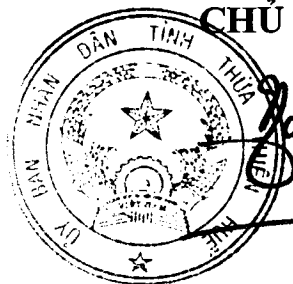
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Giám đốc Sở Tài chính; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố Huế và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

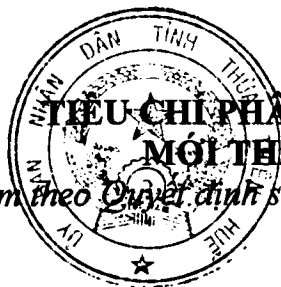
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- Tổng Cục Thuế;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử;
- VP UBND: CVP và các PCVP;
- Lưu: VT, TC. |

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Cao



PHỤ LỤC
TIÊU CHÍ PHÂN CÔNG QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP
MỌI THÀNH LẬP TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
(Kèm theo Quyết định số **12** /2016/QĐ-UBND ngày **04** tháng **02** năm 2016
của UBND tỉnh)

1. Cục Thuế quản lý các doanh nghiệp:

a) Phân theo loại hình doanh nghiệp và quy mô vốn điều lệ:

| STT | TIÊU CHÍ | THAM SỐ | | GHI CHÚ |
|-----|---------------------------------|---------|--------------------|---|
| | | Chọn | Tỷ lệ vốn/ mức vốn | |
| 1 | Doanh nghiệp có vốn nhà nước | x | 30% | Doanh nghiệp là doanh nghiệp nhà nước và có tỷ lệ % vốn nhà nước/ tổng vốn $\geq 30\%$ sẽ phân cấp về Cục Thuế quản lý. |
| 2 | Doanh nghiệp đầu tư nước ngoài | x | 1% | Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và có tỷ lệ % vốn đầu tư /tổng vốn $\geq 1\%$ sẽ phân cấp về Cục Thuế quản lý. |
| 3 | Doanh nghiệp dự án BOT, BBT, BT | x | 0% | Các doanh nghiệp dự án BOT, BBT, BT sẽ phân cấp cho Cục Thuế quản lý. |
| 4 | Quy mô vốn điều lệ | x | 10 Tỷ | Doanh nghiệp có tổng vốn điều lệ ≥ 10 tỷ (Trừ ngành nghề “Dịch vụ ăn uống”) sẽ được phân cấp về Cục Thuế quản lý. |

b) Phân theo ngành nghề kinh doanh:

| STT | Mã ngành | Tên ngành | Chọn |
|-----|----------|--|------|
| 1 | | Khai thác than cứng và than non | X |
| 2 | B0510 | Khai thác và thu gom than cứng | X |
| 3 | B0610 | Khai thác dầu thô | X |
| 4 | B0620 | Khai thác khí đốt tự nhiên | X |
| 5 | B0710 | Khai thác quặng sắt | X |
| 6 | B0721 | Khai thác quặng uranium và quặng thorium | X |
| 7 | B0722 | Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt | X |
| 8 | B0730 | Khai thác quặng kim loại quý hiếm | X |
| 9 | D3510 | Sản xuất, truyền tải và phân phối điện | X |

| | | | |
|----|-------|---|---|
| 10 | D3520 | Sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống | X |
| 11 | H5011 | Vận tải hành khách ven biển và viễn dương | X |
| 12 | H5012 | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương | X |
| 13 | K6411 | Hoạt động ngân hàng trung ương | X |
| 14 | K6419 | Hoạt động trung gian tiền tệ khác | X |
| 15 | K6420 | Hoạt động công ty nắm giữ tài sản | X |
| 16 | K6430 | Hoạt động quỹ tín thác, các quỹ và các tổ chức tài chính khác | X |
| 17 | K6491 | Hoạt động cho thuê tài chính | X |
| 18 | K6492 | Hoạt động cấp tín dụng khác | |
| 19 | K6499 | Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội) | X |
| 20 | K6511 | Bảo hiểm nhân thọ | X |
| 21 | K6512 | Bảo hiểm phi nhân thọ | X |
| 22 | K6520 | Tái bảo hiểm | X |
| 23 | K6530 | Bảo hiểm xã hội | X |
| 24 | K6611 | Quản lý thị trường tài chính | X |
| 25 | K6612 | Môi giới hợp đồng hàng hoá và chứng khoán | X |
| 26 | K6619 | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu | X |
| 27 | K6621 | Đánh giá rủi ro và thiệt hại | X |
| 28 | K6622 | Hoạt động của đại lý và môi giới bảo hiểm | X |
| 29 | K6629 | Hoạt động hỗ trợ khác cho bảo hiểm và bảo hiểm xã hội | X |
| 30 | K6630 | Hoạt động quản lý quỹ | X |
| 31 | L6810 | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê | X |
| 32 | M6920 | Hoạt động liên quan đến kế toán, kiểm toán và tư vấn về thuế | X |
| 33 | R9200 | Hoạt động xổ số, cá cược và đánh bạc | X |
| 34 | U9900 | Hoạt động của các tổ chức và cơ quan quốc tế | X |

2. Chi cục Thuế quản lý các doanh nghiệp:

Phân công Chi cục Thuế trực tiếp quản lý theo địa bàn đối với các doanh nghiệp còn lại không thỏa mãn các tiêu thức đã nêu tại Điểm 1.

3. Đối với các chi nhánh, đơn vị trực thuộc doanh nghiệp:

a) Cục Thuế trực tiếp quản lý các chi nhánh, đơn vị trực thuộc của doanh nghiệp do Cục Thuế quản lý.

b) Chi cục Thuế trực tiếp quản lý đối với các chi nhánh, đơn vị trực thuộc sau:

- Các chi nhánh, đơn vị trực thuộc kinh doanh ở địa phương cấp tỉnh khác nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính;

- Các chi nhánh, đơn vị trực thuộc kinh doanh trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố Huế, khác nơi doanh nghiệp đóng trụ sở chính./

